TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2023.
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Chất**

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Quế Phương**

Bà Nguyễn Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Bùi Thị Thanh Tuyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/8/2023 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXX-ST ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* **Bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1988; *Địa chỉ*: Khu phố 01, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (*xin vắng mặt).*

Bị đơn:* **Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1988; *Địa chỉ*: Khu phố 01, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (*xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Vũ Thị Thanh H trình bày: Bà H và ông T đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào ngày 16/3/2011, cuộc sống chung của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông T không chịu làm ăn, vợ chồng thường xuyên cải vã, xô xát lẫn nhau dù đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi nên đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho

đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông T có 03 con chung là cháu Nguyễn Vũ Thiên A sinh ngày 12/4/2020, Nguyễn Vũ Minh A, sinh ngày 08/8/2016 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 21/8/2011, bà H có nguyện vọng nuôi cả ba người con chung cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông T và bà H đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào ngày 16/3/2011, cuộc sống chung của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cải vã nên đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông T và bà H có 03 con chung là cháu Nguyễn Vũ Thiên A, sinh ngày 12/4/2020, Nguyễn Vũ Minh A, sinh ngày 08/8/2016 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 21/8/2011, bà H có nguyện vọng nuôi cả ba người con chung thì ông T cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Vũ Thị Thanh H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Minh T, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Minh T cư trú tại khu phố 01, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định của pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Vũ Thị Thanh H và ông Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của bà H, ông T là hợp lệ. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào ngày 16/3/2011 là hợp pháp. Cuộc sống chung của hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cải vả, xô xát lẫn nhau, dù đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống thì vợ chồng sống không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cải vả, xô xát lẫn nhau, bản thân ông T cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của hai bên, hiện nay bà H và ông T khẳng định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nữa, cuộc sống chung căng thẳng ngột ngạt, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên yêu cầu giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, vì vậy cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung bà H và ông T có 03 con chung là cháu Nguyễn Vũ Thiên A, sinh ngày 12/4/2020, Nguyễn Vũ Minh A, sinh ngày 08/8/2016 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 21/8/2011. Bà H có nguyện vọng nuôi cả ba người con chung cho đến khi các con trưởng T đủ 18 tuổi. Ông T cũng đồng ý giao các con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu T, cháu A đã trên 07 tuổi, tại bản tự khai của các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cũng như vì tương lai sau này của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cả ba cháu A, A và cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tuy nhiên nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông T theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, cho vay chung và nợ chung: Bà H, ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bà H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Thanh H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Vũ Thị Thanh H được ly hôn ông Nguyễn Minh T.

2. *Về con chung:* Giao 03 con chung gồm: Nguyễn Vũ Thiên A, sinh ngày 12/4/2020, Nguyễn Vũ Minh A, sinh ngày 08/8/2016 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 21/8/2011cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

3. *Về tài sản chung, cho vay chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005082 ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Bà H và ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND TP. Đồng Xoài;
-Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
-UBND xã phường (nơi ĐKKH);
-Các đương sự;
-Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Chất